SO SÁNH YÊU CẦU CẦN ĐẠT MỸ THUẬT – GIAI ĐOẠN MỸ THUẬT CƠ BẢN

MĨ THUẬT TẠO HÌNH								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:								
- Biết được mĩ thuật có ở xung quanh. - Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc.	- Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. - Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành.	- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. - Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. - Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn.	- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. - Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần. - Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo.	- Nhận biết được một số yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. - Phân biệt được tranh vẽ, tranh in, tượng và phù điêu. - Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, liên hệ thực tiễn.	- Xác định được nội dung chủ đề. - Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc. -Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản. - Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.	- Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm. - Nhận biết được giá trị thẩm mĩ của một số trường phái nghệ thuật. - Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác phẩm. - Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo.	- Thu thập được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm. - Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mĩ thuật. - Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm. - Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo.	- Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại. - Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình. – Xác định được bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo. - Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo.

MĨ THUẬT TẠO HÌNH								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:								
- Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được chấm bằng	- Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong	- Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo.	- Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn,	- Lựa chọn, phối hợp được vật liệu khác nhau để thực hành, sáng tạo.	- Biết vận dụng giá trị thẩm mĩ của di sản văn hoá nghệ thuật	- Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng.	- Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái	***Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:*** — Vận dụng được

nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm. - Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng. - Tạo được hình, khối dạng cơ bản. Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. - Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,…	thực hành, sáng tạo. - Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm. - Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. - Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. - Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo.	- Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. - Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. - Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... - Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm. - Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. - Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo.	uốn,... trong thực hành, sáng tạo. - Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. - Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng. - Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm. - Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. - Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố	- Sử dụng được một số yếu tố tạo hình để mô phỏng đối tượng thẩm mĩ. - Trao đổi, chia sẻ và vận dụng được kinh nghiệm trong thực hành sáng tạo. - Thể hiện được yếu tố chính, phụ ở sản phẩm. - Vận dụng được một số nguyên lí tạo hình như: cân bằng, tương phản, lặp lại,… ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo. - Biết làm quen với sử dụng thiết bị công nghệ trong thực hành, sáng tạo hoặc lưu giữ sản phẩm.	vào thực hành sáng tạo. - Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. - Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo. - Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.	- Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp. - Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, hoạ tiết,... vào sáng tạo sản phẩm. - Vận dụng được giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo.	nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. - Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành, sáng tạo. - Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm. - Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo.	hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo. Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”. - Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm. - Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh.

trong thực hành, sáng tạo.	- Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,… trong thực hành, sáng tạo.		tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	- Phân biệt được một số hình thức tạo sản phẩm hội họa, đồ họa, điêu khắc trong thực hành, sáng tạo.				

MĨ THUẬT TẠO HÌNH								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:								
- Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. - Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	- Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. - Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau.	- Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. - Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mĩ thuật ở mức độ đơn giản.	- Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. - Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mĩ thuật.	- Lựa chọn được hình thức giới thiệu, biết mô tả yếu tố tạo hình ở sản phẩm; biết tự đánh giá hoạt động thực hành, thảo luận. - Bước đầu biết sử dụng một số yếu tố, nguyên lí tạo hình để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	- Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. - Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm. - Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mĩ thuật. - Hiểu được mối liên hệ giữa mĩ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	- Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm. - Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mĩ thuật. - Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội hoạ, đồ hoạ trong không gian nội thất. - Phân biệt được một số chất liệu trong	- Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới. - Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...). - Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm	- Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó. - Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm.

						hội hoạ và đồ hoạ	cùng phong cách, trường phái. - Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	- Nhận định được giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật đương đại. - Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mĩ thuật.

MĨ THUẬT ỨNG DỤNG								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:								
- Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.	- Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công. - Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo.	– Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm. - Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công.	- Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương. - Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm.	- Nhận biết được yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thủ công. - Phân biệt được vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo, vật liệu sưu tầm, tái sử dụng ở sản phẩm thủ công.	- Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm. - Phân biệt được giá trị thẩm mĩ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế. - Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm. - Xác định được các loại vật liệu	- Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu. – Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm. - Biết được một số kĩ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm. - Biết chọn lọc giá trị thẩm mĩ	- Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng. - Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế. - Nhận biết được tác động của khoa học kĩ thuật đối với	- Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế. - Cập nhật được xu hướng thẩm mĩ của thời đại và hình thành ý tưởng thiết kế. - Nhận định được sự tác động của internet đối với

					phù hợp để tạo nên sản phẩm.	của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế.	ngành nghề thiết kế. - Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.	thị hiếu tiêu dùng. - Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm.

MĨ THUẬT ỨNG DỤNG								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:								
- Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo. - Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. - Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. - Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	- Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản. - Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm. - Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu	- Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản. - Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có. – Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm. - Vận dụng được sự khác nhau của chấm,	- Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gắn, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản. - Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm. - Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo	- Xác định được đối tượng thể hiện, mục đích sáng tạo. – Làm được sản phẩm dựa trên đặc điểm của sản phẩm thủ công mĩ nghệ. - Biết sử dụng yếu tố tạo hình làm trọng tâm ở sản phẩm. - Lựa chọn, phối hợp được các vật liệu khác nhau để làm nên sản phẩm.	- Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm. - Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới. - Vận dụng được một số giá trị thẩm mĩ từ di sản văn hoá nghệ thuật	- Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn. - Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm. - Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế sản phẩm. - Cải tiến, tái chế được công	- Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm. - Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, hoạ tiết ở sản phẩm. - Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm. - Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật	- Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm. - Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế. - Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế. - Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm

- Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.	trong thực hành, sáng tạo. - Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành.	đường hướng của nét để trang trí sản phẩm. - Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.	màu, tạo chất ở sản phẩm. - Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm.	- Biết vận dụng dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình như cân bằng, tương phản hoặc lặp lại, nhịp điệu,… trong thực hành, sáng tạo.	vào thiết kế sản phẩm. - Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.	cụ, phương tiện và vật liệu.	truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm.	

MĨ THUẬT ỨNG DỤNG								
LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5	LỚP 6	LỚP 7	LỚP 8	LỚP 9
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:								
- Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. - Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	- Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học. - Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng. - Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	- Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm. - Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.	- Lựa chọn, thực hiện được hình thức giới thiệu sản phẩm. - Chia sẻ điều học hỏi được trong trưng bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.	- Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập. - Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá. - Phân tích được giá trị thẩm mĩ của sản phẩm thiết kế. – Hiểu được tính ứng dụng	- Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng. - Phân tích được ý tưởng thẩm mĩ của sản phẩm, tác phẩm. - Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau. - Phân tích được vai trò	- Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm. - Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích. - Phân tích được giá trị thẩm mĩ, công năng, tiện ích	- Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm. - Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp. - Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền

					của sản phẩm thiết kế.	của thị hiếu thẩm mĩ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế.	của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo. - Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật.	thông sản phẩm, tác phẩm. - Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh.

CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP	
LỚP 8	LỚP 9
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:	
- Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. - Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình.	- Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng. - Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thiết kế.
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:	
- Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. - Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.	- Thể hiện được đặc trưng của lĩnh vực ngành nghề thông qua sản phẩm cụ thể. - Viết được một bài luận hoặc thực hiện một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mĩ thuật ứng dụng.
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:	
- Hiểu được vai trò của mĩ thuật trong đời sống văn hoá xã hội. - Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.	- Phân tích được nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề mĩ thuật ứng dụng. - Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.

Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ dùng trong văn bản chương trình môn Mĩ thuật được hiểu theo nghĩa dưới đây:

a) Một số thuật ngữ mĩ thuật

Thuật ngữ	Giải thích
Cân bằng	Là tạo sự hợp lí cho cảm nhận của thị giác, gồm hai loại phổ biến: cân bằng đối xứng, cân bằng bất đối xứng.
Chấm	Là đơn vị đầu tiên của ngôn ngữ tạo hình, làm mốc để tạo nét, hình, khối hoặc tự bản thân đứng độc lập tạo ra các đặc tính riêng.
Chất cảm	Là cảm giác cấu trúc bề mặt của chất liệu tạo hình, ví dụ: sự mềm, mịn, thô ráp,...
Chuyển động	Là sự sắp xếp các yếu tố, nguyên lí tạo hình để tạo các hướng khác nhau ở đối tượng nghệ thuật hoặc tạo sự di chuyển của thị giác trên đối tượng nghệ thuật.
Đậm nhạt	Là chỉ số thể hiện mức độ sáng hay tối của màu sắc hoặc sự chuyển biến của ánh sáng và bóng tối trên đối tượng.
Nhấn mạnh (Điểm nhấn)	Là một yếu tố hoặc phần của tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật thu hút thị giác ở đối tượng nghệ thuật.
Hài hoà	Là sự sắp xếp các yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình một cách hợp lí trong một tổng thể chung trên đối tượng thẩm mĩ.
Hình	Là hiệu quả thụ cảm thị giác đối với vật thể trong không gian do tác động của ánh sáng; hoặc được tạo bởi các yếu tố tạo hình với những nét khu biệt trên mặt phẳng hay đường nét chu vi của các diện được khép kín trong không gian.
Khối	Là biểu hiện thể tích trên mặt phẳng, trong không gian thực, được tạo bởi các diện mảng của vật thể chiếm một vị trí nhất định.
Không gian	Là khoảng cách có thể đo được giữa các điểm hoặc hình ảnh, khoảng trống xung quanh một tác phẩm, sản
	phẩm, hay một hình, một yếu tố nào đó ở đối tượng của nghệ thuật.
Lặp lại	Là sự sắp xếp, bố trí các hình, nét, màu sắc,... nhắc lại trên cùng một đối tượng thẩm mĩ; hoặc là sự mô phỏng lại đối tượng.
Màu thứ cấp	Là màu được tạo ra từ màu cơ bản.
Nét	Là đường tạo thành do sự dịch chuyển của một điểm hoặc chấm, gồm nhiều loại: thẳng, cong, xiên, gấp khúc,... Nét còn gọi là đường viền hay đường chu vi, là ranh giới giữa vật này với vật khác hay giữa một vật với không gian xung quanh.

Nhịp điệu	Là sự nhắc lại một cách có chủ đích (đều, nhanh - chậm, dày đặc - thưa thớt,…) các hình dạng, hình khối, màu sắc,... trên đối tượng nghệ thuật.
Sản phẩm	Là bài vẽ, bức tranh, hình thể, vật thể,... được tạo ra trong quá trình thực hành, sáng tạo của học sinh.
Sản phẩm thủ công	Là sản phẩm được tạo nên bởi cá nhân hoặc tập thể người lao động, nghệ nhân, nghệ sĩ,… có tính phổ biến, được xã hội công nhận.
Tác phẩm	Là sản phẩm mĩ thuật của một cá nhân hoặc một nhóm nghệ sĩ mang phong cách và dấu ấn riêng, được xã hội công nhận.
Thảo luận mĩ thuật	Là sự trao đổi, chia sẻ, phân tích, giải thích, phản biện, đánh giá,... thẩm mĩ thông qua hình thức học tập tương tác giữa học sinh với học sinh, học sinh với giáo viên,...
Thẩm mĩ	Là phạm trù triết học đề cập đến bản chất, giá trị của nghệ thuật và hình thức cảm nhận giác quan về cái đẹp.
Thủ công	Là những thao tác tạo hình đòi hỏi kĩ năng làm hoặc tạo tác phẩm, sản phẩm bằng tay mang công năng sử dụng.
Tỉ lệ	Là mối quan hệ so sánh giữa hai hay nhiều yếu tố trong một thành phần liên quan đến kích thước, màu sắc, số lượng, sắp xếp, sắc độ,...
Tương phản	Là sự đối lập của các đối tượng liên quan khác nhau ở cạnh nhau, ví dụ: màu nóng, màu lạnh; nét thẳng, nét cong,...
Vật liệu	Là đồ dùng, đồ vật được sưu tầm, tái sử dụng hoặc sẵn có trong tự nhiên, như: giấy báo, giấy bìa, vỏ hộp, chai nhựa, vải vụn, sợi dây len, cọng rơm, lá cây,...
2D, 3D	Là tác phẩm, sản phẩm mĩ thuật được tạo ra trên mặt phẳng hai chiều hoặc trong không gian ba chiều.

b) Từ ngữ thể hiện mức độ cần đạt

Chương trình môn Mĩ thuật sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng tổng hợp dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận và thực hành, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	**Động từ mô tả mức độ**
Biết	Nhận biết được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, đặc điểm,…), đọc được tên (màu sắc, tác giả, sản phẩm, tác phẩm, trường phái,…), liệt kê được (đồ dùng, công cụ, vật liệu, ngành nghề,…), nêu được (yếu tố đặc trưng, ý tưởng, giải pháp,…), xác định được (chủ đề, mục đích, đối tượng,…),…

Hiểu	Trình bày được (cảm nhận, sự liên hệ, quan điểm,…), biểu đạt được (cảm xúc, ý tưởng, nội dung,…), giới thiệu được (tác giả, sản phẩm, tác phẩm,…), tóm tắt được (giá trị nghệ thuật, cuộc đời, sự nghiệp,…), giải thích được (sắp xếp bố cục, tính phổ biến, địa điểm,…), phân tích được (vẻ đẹp, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng, nhu cầu xã hội,…), phân loại được (thể loại, hình thức), phân biệt được (tranh vẽ, tranh in, một số chất liệu,…), đánh giá được (sản phẩm, hoạt động thực hành, thảo luận, mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng,…), nhận định được (giá trị thẩm mĩ, tiến trình phát triển, sự tác động của internet),...
Vận dụng	Mô phỏng được (đối tượng thẩm mĩ), phác thảo được (ý tưởng), lựa chọn được (công cụ, vật liệu, chất liệu, hình thức thực hành, vị trí trưng bày,…), sử dụng được (vật liệu, công cụ, phương tiện,…), thực hiện được (thao tác, các bước thực hành, phác thảo,…), vận dụng được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, yếu tố văn hóa nghệ thuật, nhịp điệu của hoa văn,…), phối hợp được (kĩ năng, vật liệu, công cụ, phương tiện,…), thể hiện được (ý tưởng, đặc trưng, cấu trúc, mục đích,…), tạo được (sản phẩm, sự hài hòa, hòa sắc,…),…

2. Thời lượng thực hiện chương trình

2.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)

Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70

Riêng ở cấp trung học phổ thông, mỗi lớp có thêm các chuyên đề học tập lựa chọn, thời lượng 35 tiết/năm học.

2.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Tỉ lệ % thời lượng dành cho các nội dung giáo dục như sau:

a) Cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở

Nội dung	Thời lượng
CẤP TIỂU HỌC	
Mĩ thuật tạo hình	60%
Mĩ thuật ứng dụng	30%
Đánh giá định kì	10%

CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	
LỚP 6, LỚP 7	
Mĩ thuật tạo hình	50%
Mĩ thuật ứng dụng	40%
Chủ đề hướng nghiệp	0%
Đánh giá định kì	10%
LỚP 8, LỚP 9	
Mĩ thuật tạo hình	40%
Mĩ thuật ứng dụng	40%
Chủ đề hướng nghiệp	10%
Đánh giá định kì	10%

b) Cấp trung học phổ thông - Thời lượng dành cho các nội dung lựa chọn:

Nội dung	Thời lượng
Lí luận và lịch sử mĩ thuật	22%
Hội họa	22%
Đồ họa (tranh in)	22%
Điêu khắc	22%
Thiết kế công nghiệp	22%
Thiết kế đồ họa	22%
Thiết kế thời trang	22%
Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	22%

Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	22%
Kiến trúc	22%
Đánh giá định kì	12%

– Thời lượng (số tiết) dành cho mỗi chuyên đề (bao gồm cả đánh giá) được phân bố như sau:

Chuyên đề học tập	**Thời lượng (số tiết)**
Chuyên đề 10.1: Thực hành vẽ hình họa 1	15
Chuyên đề 10.2: Thực hành vẽ trang trí 1	10
Chuyên đề 10.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 1	10
Chuyên đề 11.1: Thực hành vẽ hình họa 2	15
Chuyên đề 11.2: Thực hành vẽ trang trí 2	10
Chuyên đề 11.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 2	10
Chuyên đề 12.1: Thực hành vẽ hình họa 3	15
Chuyên đề 12.2: Thực hành vẽ trang trí 3	10
Chuyên đề 12.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 3	10